TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2025/DS-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hải Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại Cơ sở 1 - Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 372/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2025/QĐST - DS ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số B N, khu K, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; Bà T vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số B N, khu K, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện nộp ngày 09 tháng 5 năm 2025, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà T trình bày:*

Bà T và bà Phan Thị Đ có quen biết nhau do nhà gần nhau. Trước ngày 01/3/2023 khoảng một vài ngày thì bà Đ có hỏi mượn tiền bà T để xử lý công việc gia đình của bà Đ nhưng khi đó bà T chưa có tiền. Đến ngày 01/3/2023 thì bà T có tiền nên có nhắn tin qua zalo cho bà Đ biết. Ngày hôm sau bà Đ có qua nhà bà T hỏi mượn 5.000.000 đồng nhưng khi qua tới nơi thì thấy bà T có 40.000.000 đồng (tiền này là tiền bà T dùng để mua hàng để buôn bán tạp hoá) thì bà Đ mượn hết hẹn ngày 10 hốt

hụi trả, thì bà T mới đồng ý. Bà T có lấy một cuốn sổ ghi những ghi chú như mật khẩu zalo, facebook, số tài khoản … ra kêu bà Đ ghi việc vay tiền vô thì bà Đ có ghi nội dung: "*Phan Thị Đ mượn của chị tịnh 40,0000 bốn mươi triệu đồng chẵn*" còn chữ "2/3/2023" là do bà T ghi để nhớ. Ngoài ra, ngày vay tiền 02/3/2023 có thể hiện trong tin nhắn zalo giữa bà T và bà Đ.

Bà Đ thoả thuận với bà T lãi là 3%/tháng (bằng với mức lãi mà bà T đi cầm vàng) và hẹn ngày 10/3/2023 khi hốt hụi thì sẽ trả cho bà T. Tuy nhiên, đến ngày 10/3/2023 thì bà Đ không trả được tiền cho bà T và qua gặp bà T xin đóng lãi hàng tháng là 3%/tháng còn tiền gốc thì cứ hẹn hết lần này tới lần khác mà không trả. Sau khi nhận tiền vay của bà T, bà Đ chỉ trả cho bà T được 04 tháng tiền lãi với số tiền là 1.200.000 đồng/tháng (4 tháng là 4.800.000 đồng, trả bằng tiền mặt) cụ thể vào các ngày 02/4/2023; 02/5/2023; 02/6/2023 và 02/7/2023. Từ sau ngày 02/7/2023 cho đến nay thì bà Đ không trả tiền lãi cho bà T.

Sau khi, bà T nộp đơn kiện ra Toà thì bà Đ có chuyển khoản trả thêm cho bà T được 3.000.000 đồng lúc 20 giờ 28 phút ngày 13/6/2025 qua tài khoản. Đến ngày 15/6/2025 bà Đ có qua nhà bà T nói chuyện và xin bỏ bớt lãi tính tổng nợ là 50.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3 triệu đồng thì bà T đồng ý và yêu cầu bà Đ ghi tiếp vào sổ đã ghi trước đó, thì bà Đ có ghi nội dung:

"15/6/2025

Em hứa em trả cho chị mỗi tháng 3 triệu cho chị T

Tổng em nợ chị 50 triệu".

Sau đó bà Đ ký ghi họ tên. Bà T có thoả thuận yêu cầu bà Đ trả lãi 3%/tháng thì bà Đ có đồng ý nên bà T có ghi nội dung: "*tính lãi suất 3%/tháng = cầm vàng*". Tuy nhiên, do sơ sót nên bà T không yêu cầu bà Đ ký xác nhận việc thoả thuận lãi suất. Tuy nhiên, bà Đ không trả cho bà T được thêm khoản nào nữa dù bà T qua nhà hỏi và nhắn tin qua zalo đòi rất nhiều lần.

Ngoài ra, trong thời gian bà Đ vay tiền của bà T thì bà Đ mua hàng tạp hóa của bà T như gạo, sữa, nước mắm, dầu ăn thiếu của bà T số tiền 800.000 đồng nhưng chưa trả cho bà T. Việc mua tạp hoá thiếu thì do chỗ thân tình và thói quen mua bán thì bà T cũng không yêu cầu bà Đ làm giấy tờ gì cả.

Ngày 25/4/2025, bà T gửi giấy thông báo cho bà Đ yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi nhưng sau đó bà Đ vẫn không phản hồi thông báo đòi tiền của bà T.

Nay bà T xác định yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Phan Thị Đ thanh toán cho bà T số tiền còn nợ 50.000.000 đồng theo xác nhận ngày 15/6/2025, bà T không yêu cầu lãi. Đề nghị Toà tuyên lãi chậm thi hành án theo quy định cho đến khi trả xong nợ gốc.

Về tiền mua tạp hoá còn thiếu 800.000 đồng do không có chứng cứ nên bà T xin rút lại yêu cầu này.

Ngoài ra, nguyên đơn bà T không có yêu cầu gì khác và xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

* *Bị đơn bà Phan Thị Đ:* Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn bà Phan

Thị Đ tham gia giải quyết vụ án nhưng bà Đ vắng mặt không có lý do. Đồng thời, Tòa án đã yêu cầu bà Đ có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà Đ không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình vay mượn tiền, cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn bà Đ.

Quá trình xác minh, Công an phường Đ cung cấp thông tin bị đơn bà Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại địa phương.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá". Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số B N, khu K, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương nay là phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh thanh toán tiền nợ vay và tiền mua tạp hoá còn thiếu. Do đó, căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nay là Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Phan Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 28/8/2025 và ngày 23/9/2025 nhưng đều vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Đ không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ về quá trình vay mượn tiền, cũng như việc trả tiền gốc và lãi cho nguyên đơn. Việc bị đơn vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên phải chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[1.4] Tại đơn kiện, nguyên đơn bà T yêu cầu bà Phan Thị Đ thanh toán số tiền mua tạp hoá còn thiếu là 800.000 đồng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin rút lại yêu cầu này. Việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về về việc mua hàng hoá đối với bị đơn là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 5, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử.

[2] Về nội dung: Theo Giấy vay tiền có xác nhận ngày 15/6/2025 của bà Đ và trình bày của nguyên đơn có cơ sở xác định: Tính đến ngày 15/6/2025 bà Đ nợ bà T số tiền 50.000.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả cho bà T 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Đ không trả cho bà T được khoản nào theo cam kết.

Khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*…". Bị đơn không xuất trình được chứng cứ chứng minh đã thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ 50.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Đ phải chịu án phí đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 71, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn bà Phan Thị Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Phan Thị Đ thanh toán cho bà Trần Thị T số tiền là: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị T đối với bị đơn bà Phan Thị Đ về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá".

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Đ phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 1.620.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008459 ngày 30 tháng 5

năm 2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nay là Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Hải Nam